TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HS-PT
Ngày 26-8- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vững- Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dântỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/TLPT-HS ngày 15/6/2021 đối với bị cáo Nguyễn Hoài Sơn và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-STngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Các bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Hoài S**, sinh năm 1992 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Số 9.. N, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên, sinh hoạt tại Chi bộ công an phường L- Đảng bộ phường L*(đã bị xóa tên trong danh sách đảng viên theo quyết định số 06-QĐ/Th.U ngày 28/2/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy H)* con ông Nguyễn Xuân Tr và bà Phạm Thị H; có vợ là Hoàng Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1991 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Số 01… T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Hà Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. **Bùi Đình L**, sinh năm 1992; nơi sinh: Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 04 ngách .. ngõ 71 Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình Ứ và bà Lê Thị Thu H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. **Nguyễn Tất Th**, sinh năm 1993; nơi sinh: Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất Q và bà Hà Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Th L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị hại không kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số ..V, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Anh Trịnh Thế H, sinh năm 1979; Địa chỉ: 36.. N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoài S có quan hệ quen biết với Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th, Do không có tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Hoài S đã rủ Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th cùng làm giả, sử dụng giấy tờ giả của ngành công an thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Thế H. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện các hành vi cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Cuối năm 2017, Nguyễn Hoài S tự khai đến hiệu ảnh số 8 đại lộ H thành phố H chụp ảnh để làm giả 02 giấy chứng minh công an nhân dân số hiệu 193-740 đều mang tên Nguyễn Hoài S và 01 thẻ học viên lớp liên thông Học viện cảnh sát nhân dân khóa 1 mở tại công an tỉnh Hải Dương mang tên Nguyễn Hoài S. Sau khi có các giấy tờ giả, ngày 30/11/2017, S sử dụng điện thoại di động số 0948.871.666 liên hệ đến số 0983.158.422 của chị Nguyễn Thị H hỏi vay chị H số tiền 50 triệu đồng, chị H đồng ý hẹn S đến nhà nghỉ Star số 01 H, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Đến nơi, chị H đưa cho S số tiền 50 triệu đồng, yêu cầu S viết giấy nhận nợ trong thời gian từ ngày 30/11/2017 đến 30/12/2017. Để chị H tin tưởng, Sơn đã để lại 01 giấy chứng minh công an nhân dân giả. Đối với số tiền 50 triệu đồng nhận từ chị H, S đã chi tiêu cá nhân hết và không trả lại tiền cho chị H.

Vụ thứ 2: Ngày 10/02/2018, Nguyễn Hoài S nhờ Nguyễn Tất Th giới thiệu hộ chỗ vay tiền. Th đồng ý và đã giới thiệu S đến gặp anh Trịnh Thế H ở 36.. N thành phố Hải Dương. Tại đây, Sơn đã đặt vấn đề vay của anh H số tiền 50 triệu đồng và đặt lại giấy tờ giả làm tin cho anh H gồm 01 giấy chứng minh công an nhân dân số hiệu 193-740 và 01 thẻ học viên lớp liên thông Học viện

cảnh sát nhân dân khóa 1 mở tại công an tỉnh Hải Dương đều mang tên Nguyễn Hoài S. Anh H cho S vay số tiền 40 triệu, khoảng 01 tháng sau do không có tiền trả nên S đến gặp anh H khất nợ đồng thời vay thêm số tiền 10 triệu đồng và viết lại giấy nhận nợ với số tiền vay là 50 triệu đồng và đề ngày vay lần đầu là ngày 10/02/2018. Do S không trả nợ nên anh H đã trình báo công an đối với hành vi của Nguyễn Hoài S.

Vụ thứ 3: Vào thời gian cuối tháng 12/2017, Nguyễn Hoài S gặp Nguyễn Thành L ở thành phố Hải Phòng. Tại đây, Sơn đã nói với L về việc làm giấy tờ ngành công an giả để đặt làm tin vay tiền chi tiêu. L đồng ý nên S đã bảo L đưa một ảnh chân dung của Long. Sáng ngày 10/01/2018, S gặp người đàn ông mới quen tên "Đ" ở khu vực ga tàu Hải Dương và đưa cho "Đ" ảnh chân dung của Long và bảo "Đ" làm cho 01 giấy chứng minh công an nhân dân và 01 biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên Nguyễn Thành L có dán ảnh chân dung của L mặc trang phục cảnh sát giao thông. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, cũng tại khu vực ga tàu Hải Dương, S gặp "Đ" nhận hai giấy tờ trên và trả tiền công 40.000 đồng. Khi có được các giấy tờ, S dùng số điện thoại của mình gọi vào số điện thoại 0932.495.438 bảo L về thành phố Hải Dương. S mang theo 01 giấy chứng minh công an nhân dân giả mang tên L, đồng thời gọi điện thoại cho chị Hồng đặt vấn đề có bạn ở công an thành phố Hải Dương muốn vay tiền và được chị Hồng đồng ý. S đã đưa L đến nhà nghỉ Star ở số 01 H, thành phố Hải Dương, tại đây S đứng ngoài còn L cầm chứng minh công an nhân dân giả do S đưa lên gặp chị H đặt làm tin vay của chị Hồng số tiền 100 triệu đồng, sau khi có tiền S và L đã chi tiêu hết số tiền này. Cũng với thủ đoạn tương tự, ngày 10/02/2018 S đã điện thoại cho L về thành phố Hải Dương và đưa cho L 01 biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên L để L gặp chị H đặt làm tin vay tiếp số tiền 50 triệu đồng để cả hai chi tiêu cá nhân. Do đến hạn không có tiền trả chị H, ngày 19/3/2018 L đã gặp chị H thỏa thuận hủy hai giấy biên nhận vay tiền trước đó là 150 triệu đồng và 33 triệu đồng lãi. Sau đó L viết lại giấy nhận nợ chị H số tiền 183 triệu đồng trong thời gian từ 19/3/2018 đến 19/4/2018 sẽ trả nhưng vì không trả được nên chị H đã trình báo cơ quan công an.

Vụ thứ 4: Vào thời gian đầu tháng 01/2018, Nguyễn Hoài S đã điện thoại vào số 0904.178.859 của Bùi Đình L với nội dung bàn với L về việc làm giả giấy tờ ngành công an để đặt làm tin vay tiền cùng chi tiêu cá nhân. L đồng ý nên đã gửi cho S 01 ảnh chân dung để S làm giả 01 biển hiệu cảnh sát giao thông. Sáng ngày 09/01/2018, Sơn gặp người đàn ông tên "Đ" ở khu vực quảng trường T, thành phố Hải Dương, Sơn đã đưa cho "Đ' ảnh chân dung của L và bảo "Đ" làm cho 01 biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên Nguyễn Thanh T có dán ảnh chân dung của L mặc trang phục cảnh sát giao thông. Đến 14 giờ cùng ngày, S nhận giấy tờ giả và dùng số điện thoại của mình gọi điện thoại cho chị H đặt vấn đề có bạn ở công an thành phố Hải Dương muốn vaychị H 100 triệu đồng, nhưng chị H chỉ đồng ý cho vay 70 triệu. Sau đó L cầm biển hiệu cảnh sát giao thông giả đến gặp chị Hồng tại nhà nghỉ Star ở số 01 H, thành phố H đặt làm tin cho chị H, viết biên nhận vay trong hạn 4 tháng từ ngày 09/01/2018 đến ngày 09/5/2018 và cầm số tiền 70 triệu đồng cùng S sử dụng cá

nhân hết. Do đến hạn không trả được chị H, L đã đến gặp chị H thỏa thuận và viết lại giấy vay tiền với tổng số tiền gốc, lãi là 86 triệu đồng nhưng vẫn ghi ngày vay và thời hạn trả nợ như giấy cũ. Vì không có tiền trả nên chị H đã trình báo cơ quan công an.

Vụ thứ 5: Vào chiều ngày 17/01/2018, Nguyễn Hoài S gặp Nguyễn Tất Th tại khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương nhờ Th vay hộ tiền nhưng Th không vay được ở đâu. Sơn đã bảo Th làm giả 01 biển hiệu cảnh sát giao thông đặt làm tin cho chị H để vay hộ S tiền. Th đồng ý nên S đã đưa Th đến số 5 đại lộ H, thành phố Hải Dương. Tại đây, Th gặp một người đàn ông không quen biết thuê người này làm giả một biển hiệu cảnh sát giao thông mang tên Nguyễn Hoàng G, đơn vị công tác ở công an huyện Gia Lộc nhưng có hình ảnh chân dung của Th mặc trang phục cảnh sát giao thông. Sau khi có biển hiệu giả, Thái mang ra gặp S, S dùng điện thoại của mình điện cho chị H giới thiệu Th đến gặp chị H vay số tiền 50 triệu đồng. Chị Hồng đồng ý nên Th đã đến nhà nghỉ Star ở số 01 H, thành phố H gặp chị H đặt biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên Nguyễn Hoàng Gi, viết giấy biên nhận vay và nhận của chị H số tiền 50 triệu đồng. Sau khi có tiền S và Th đã chi tiêu hết.Quá thời hạn 2 tháng không có tiền trả, Th đã gặp chị H thỏa thuận và viết một giấy nhận nợ khác với số tiền 65 triệu đồng trong đó bao gồm tiền gốc 50 triệu và tiền lãi 15 triệu trong thời hạn 02 tháng từ 17/01 đến 17/3/2018 nhưng vẫn không trả được nên chị H trình báo cơ quan công an.

Tại bản kết luận giám định số 62/KLGĐ ngày 05/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- 01 biển hiệu đứng tên Nguyễn Hoàng G, số 142-687 của Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương là biển hiệu giả.

- 02 giấy chứng minh công an nhân dân, số 193-740 đứng tên Nguyễn Hoài S, đề ngày 01/8/2014 là giấy chứng minh công an nhân dân giả.

Tại bản kết luận giám định số 52/KLGĐ ngày 21/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 01 giấy chứng minh công an nhân dân, số 193-556, mang tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 09/01/1991, đơn vị: Công an thành phố Hải Dương – Hải Dương, đề ngày 01/8/2014 và 01 biển hiệu Cảnh sát giao thông mang tên Nguyễn Thành L, Công an thành phố Hải Dương, cán bộ, số hiệu 193-556, có dán ảnh chân dung người mặc trang phục cảnh sát giao thông đều là giấy tờ giả. Giả toàn bộ phần phôi, hình dấu, chữ ký.

Tại bản kết luận giám định số 53/KLGĐ ngày 21/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 01 biển hiệu Cảnh sát giao thông mang tên Nguyễn Thanh T, Công an thành phố Hải Dương, cán bộ, số hiệu 346-241, có dán ảnh chân dung người mặc trang phục cảnh sát giao thông là giấy tờ giả. Giả toàn bộ phần phôi, hình dấu, chữ ký.

Tại bản kết luận giám định số 66/KLGĐ ngày 13/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Thẻ học viên ép plastic đứng

tên Nguyễn Hoài S liên thông – Công an tỉnh Hải Dương khóa 01 – LTHDU – 2690 là giả.

Tại bản kết luận giám định số 04/KLGĐ ngày 03/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết chữ ký đứng tên Nguyễn Hoàng Gi và đứng tên Nguyễn Tất Th trên các tài liệu cần giám định *(ký hiệu A13, A14)* với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Tất Th trên các tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M14, M15)* là do cùng một người viết, ký ra.

Tại bản kết luận giám định số 51/KLGĐ ngày 21/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết chữ ký đứng tên Nguyễn Thành L trên Giấy vay tiền kiêm nhận nợ *(ký hiệu A)* với chữ viết, chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M1 đến M5)* là do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản kết luận giám định số 20B/KLGĐ ngày 25/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Trên tài liệu cần giám định*(ký hiệu A)*: Trừ phần chữ viết có nội dung: " Nguyễn Thanh T" mục: "Tôi vay ông (bà)" và "ĐT 0904178859" mục: "Địa chỉ công tác". Các phần chữ viết còn lại với chữ viết đứng tên Bùi Đình L trên các tài liệu mẫu so sánh*(ký hiệu M1 đến M4)* là do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thanh T trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* do không đồng dạng với chữ ký đứng tên Bùi Đình L trên các tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M1 đến M4)* nên không tiến hành giám định.

Tại bản kết luận giám định số 54/KLGĐ ngày 27/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết, chữ ký dạng chữ viết đứng tên Nguyễn Thanh T trên Giấy vay tiền kiêm nhận nợ *(ký hiệu A)* với chữ viết đứng tên Bùi Đình L trên các tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M1 đến M5)* là do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản kết luận giám định số 04/KLGĐ ngày 03/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Trừ các chữ: "Nguyễn Thị H…TPHD" tại mục "Tôi vay Ông (bà)" trên giấy vay tiền kiêm nhận nợ đề ngày 29/01/2018*(ký hiệu A6)*và chữ "H" tại mục "Tôi vay Ông (bà)" trên giấy vay tiền kiêm nhận nợ đề ngày 29/01/2018*(ký hiệu A7)*, còn lại toàn bộ chữ viết, chữ ký trên đứng tên Nguyễn Hoài S trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A6 đến A9)* với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hoài S trên các tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M7 đến M9)* là do cùng một người viết, ký ra.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-STngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương căn cứvào điểm b Khoản 3 Điều 341; điểm a Khoản 3 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đối với bị cáo Nguyễn Hoài S

Căn cứ vào điểm c, dKhoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58của Bộ luật hình sựđối với bị cáo Nguyễn Thành L

Căn cứ vào điểm dKhoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58của Bộ luật hình sựđối với bị cáo Bùi Đình L

Căn cứ vào điểm dKhoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đối với bị cáo Nguyễn Tất Th

Căn cứ Khoản 1 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Hoài Sơn, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoài S, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th đều phạm các tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài S **03***(ba)* năm **03***(ba)* tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **07***(bảy)* năm **03***(ba)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **10** *(mười)*năm **06***(sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L **02***(hai)* năm **06***(sáu)* tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **03***(ba)* năm **09***(chín)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **06***(sáu)*năm**03** *(ba)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Bùi Đình L **02***(hai)* nămtù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **02***(hai)* năm **03***(ba)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Đình L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **04***(bốn)*năm**03** *(ba)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất Th **02***(hai)* năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **02** *(hai)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tất Th phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **04***(bốn)*năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Trong các ngày 17, 20, 26 và 27 tháng 5 năm 2021, các bị cáo Nguyễn Hoài S, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ Luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoài Sơn, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với tất cả các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ cơ sở kết luận. Vụ thứ nhất: Thời gian cuối năm 2017, Nguyễn Hoài S làm giả 02 giấy chứng minh công an nhân dân số hiệu 193-740 và 01 thẻ học viên lớp liên thông Học viện cảnh sát nhân dân đều mang tên Nguyễn Hoài S. Ngày 30/11/2017, Sơn vay của chị Nguyễn Thị H số tiền 50 triệu đồng, S viết giấy nhận nợ và để lại 01 giấy chứng minh công an nhân dân giả. Vụ thứ hai: Ngày 10/02/2018, Nguyễn Hoài S nhờ Nguyễn Tất Th giới thiệu đến gặp anh Trịnh Thế H ở 3.. N, thành phố Hải Dương vay số tiền 50 triệu đồng và đặt lại giấy tờ giả cho anh H gồm 01 giấy chứng minh công an nhân dân số hiệu 193-740 và 01 thẻ học viên lớp liên thông Học viện cảnh sát nhân dân đều mang tên Nguyễn Hoài S. Vụ thứ ba: Vào thời gian cuối tháng 12/2017, Nguyễn Hoài S nói với Nguyễn Thành L về việc làm giấy tờ ngành công an giả để đặt làm tin vay tiền chi tiêu. S đã bảo L đưa một ảnh chân dung của L. Sáng ngày 10/01/2018, S gặp người đàn ông mới quen tên "Đ" ở khu vực ga tàu Hải Dương nhờ làm cho 01 giấy chứng minh công an nhân dân và 01 biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên Nguyễn Thành L. Khi có được các giấy tờ, Sơn gọi điện thoại bảo L về thành phố Hải Dương cầm giấy tờ

giả trên đến gặp chị H đặt làm tin vay của chị Hồng số tiền 100 triệu đồng. Ngày 10/02/2018 Sơn đã điện thoại cho L về thành phố Hải Dương và đưa cho L 01 biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên L để L gặp chị H đặt làm tin vay tiếp số tiền 50 triệu đồng để cả hai chi tiêu cá nhân. Vụ thứ tư: Vào thời gian đầu tháng 01/2018, Nguyễn Hoài S bàn với Bùi Đình L về việc làm giả giấy tờ ngành công an để đặt làm tin vay tiền cùng chi tiêu cá nhân. L đồng ý nên đã gửi cho Sơn 01 ảnh chân dung của L. Sáng ngày 09/01/2018, Sơn nhờ người đàn ông tên "Đ" ở khu vực quảng trường Th, thành phố H làm 01 biển hiệu cảnh sát giao thông giả mang tên Nguyễn Thanh T có dán ảnh chân dung của L. Khi có được giấy tờ, S giới thiệu L cho chị H để vay số tiền 70 triệu. Sau đó L viết giấy biên nhận và đặt biển hiệu cảnh sát giao thông giả cho chị Hồng để làm tin. Vụ thứ năm: Vào chiều ngày 17/01/2018, Nguyễn Hoài S bảo Nguyễn Tất Th làm giả 01 biển hiệu cảnh sát giao thông để đặt làm tin cho chị Hồng để vay hộ Sơn tiền. Cả hai đến số 5 đại lộ H, thành phố H làm giả một biển hiệu cảnh sát giao thông mang tên Nguyễn Hoàng Gi. Sau khi có biển hiệu giả, S giới thiệu Th đến gặp chị H vay số tiền 50 triệu đồng, Th viết giấy biên nhận vay tiền và đặt lại biển hiệu cảnh sát giao thông giả cho chị H. Toàn bộ số tiền các bị cáo chiếm đoạt của năm vụ trên các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đều nhận thức được hành vi cung cấp thông tin, hình ảnh của mình để làm giả các giấy tờ không phải của mình và sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để thực hiện hành vi trái pháp luật, sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, như vậy là xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Hoài S, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th về các tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ pháp luật.Về tội danh không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX xét thấy*:*

[3.1] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo: Nguyễn Hoài S ngoài việc tự liên hệ làm giả nhiều giấy tờ, tài liệu còn là người đề xuất, liên hệ, dẫn dắt các bị cáo khác trong việc thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu. Là người trực tiếp sử dụng tài liệu giả, liên hệ với bị hại sau đó hướng dẫn các bị cáo khác gặp bị hại để thực hiện hành vi lừa đảo. Số tiền bị cáo Nguyễn Hoài S chiếm đoạt và hưởng lợi lớn hơn các bị cáo khác nên Nguyễn Hoài S là bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Tiếp đến là bị cáo Nguyễn Thành L là người cùng bị cáo Nguyễn Hoài S thực hiện việc làm giả nhiều tài liệu, sử dụng nhiều tài liệu giả để thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần với số tiền nhiều hơn các bị cáo còn lại nên bị cáo Nguyễn Thành L là người giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Đối với các bị cáo Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th cùng Nguyễn Hoài S thực hiện việc làm giả một tài liệu, sử dụng tài liệu giả thực hiện hành vi lừa đảo một lần với số tiền chiếm đoạt ít hơn bị cáo Long nên L và Th giữ vai trò ngang nhau và ở thứ ba trong vụ án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án là phù hợp và có căn cứ.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tất cả các bị cáo đã tự nguyện bồi thường phần lớn cho người bị hại nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, các bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Bùi Đình L có bố đẻ là người có công với cách mạng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên,Tòa án cấp sơ thẩm nhận định "*ngoài ra các bị cáo Nguyễn Hoài S, Bùi Đình L, Nguyễn Thành L có thời gian phục vụ trong lực lượng công an nhân dân*" để áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là chưa đúng vì việc phục vụ trong lực lượng công an nhân dân không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Hoài S và Nguyễn Thành L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là đúng quy định. Bị cáo Nguyễn Hoài S nhiều lần thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và nhiều lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và bị truy tố, xét xử theo điểm b khoản 3 Điều 341 của BLHS nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá tình tiết này trong bản án là thiếu xót cần rút kinh nghiệm. Các bị cáo Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo L, L, Th không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị cáo Nguyễn Hoài S đã thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại cho anh Trịnh Văn H với số tiền là 40.000.000đ, bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét. Mặc dù có phát sinh tình tiết mới, anh Hoạt cũng có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo S, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp, do vậy HĐXX phúc thẩm căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoài S, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L, Nguyễn Tất Th và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt.

2.Về hình phạt:

Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 341; điểm a Khoản 3 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoài S 03***(ba)* năm **03***(ba)* tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **07***(bảy)* năm **03***(ba)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hoài Sơn phải chấp hành hình phạt chung là **10** *(mười)*năm **06***(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm c, d Khoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L 02***(hai)* năm **06***(sáu)* tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **03***(ba)* năm **09***(chín)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chấp hành hình phạt chung là **06***(sáu)*năm**03** *(ba)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Bùi Đình L 02***(hai)* nămtù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **02***(hai)* năm **03***(ba)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Đình L phải chấp hành hình phạt chung là **04***(bốn)*năm**03** *(ba)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 341; điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58; xử phạt bị cáo **Nguyễn Tất Th 02***(hai)* năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và **02** *(hai)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tất Th phải chấp hành hình phạt chung là **04***(bốn)*năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3.Về án: Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoài S, Nguyễn Thành L, Bùi Đình L và Nguyễn Tất Th mỗi bị cáo phải chịu **200.000**đ*(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Sở TP tỉnh Hải Dương;*
- *TAND thành phố Hải Dương;*
- *CQCSĐT, CQ THAHSTP Hải Dương;*
- *VKSND thành phố Hải Dương;*
- *Chi cục THADS thành phố Hải Dương;*
- *Các bị cáo, bị hại;*
- *Lưu hồ sơ; lưu VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)
Nguyễn Minh Tân